

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1047 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 29 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình xử lý
khẩn cấp khắc phục sự cố, sửa chữa hư hỏng đảm bảo an toàn hồ đập
đối với hồ Sông Mực, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của UBND tỉnh quy định phân công, phân cấp thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Quyết định số 4374/QĐ-UBND ngày 15/10/2020, số 5074/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư và giao kinh phí hỗ trợ để thực hiện công trình xử lý khẩn cấp khắc phục sự cố, sửa chữa hư hỏng đảm bảo an toàn hồ đập đối với hồ Sông Mực, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa, điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 4374/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 41/TTr-SNN&PTNT ngày 16/3/2021, kèm theo thông báo kết quả thẩm định số 966/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 15/3/2021 và Công ty TNHH một thành viên Sông Chu tại Tờ trình số 52/SC-QLDA ngày 04/3/2021 (kèm theo hồ sơ) về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình xử lý khẩn cấp khắc

phục sự cố, sửa chữa hư hỏng đảm bảo an toàn hồ đập đối với hồ Sông Mực, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình xử lý khẩn cấp khắc phục sự cố, sửa chữa hư hỏng đảm bảo an toàn hồ đập đối với hồ Sông Mực, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa, với những nội dung chính sau:

1. Tên công trình: Xử lý khẩn cấp khắc phục sự cố, sửa chữa hư hỏng đảm bảo an toàn hồ đập đối với hồ Sông Mực, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

2. Tên chủ đầu tư: Công ty TNHH một thành viên Sông Chu.

3. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Viện Kỹ thuật công trình - Trường Đại học Thủy lợi.

4. Mục tiêu đầu tư: Xử lý khẩn cấp khắc phục sự cố, sửa chữa hư hỏng đảm bảo an toàn công trình hồ Sông Mực.

5. Quy mô đầu tư và các thông số thiết kế chủ yếu:

5.1. Quy mô đầu tư:

- Diện tích tưới: $F = 11.500$ ha.
- Tần suất đảm bảo tưới: $P = 85\%$.
- Tần suất lũ thiết kế: $P = 0,5\%$.
- Tần suất lũ kiểm tra: $P = 0,1\%$.

5.2. Các thông số thiết kế chủ yếu:

TT	Thông số	Đơn vị	Trị số
1	Thông số hồ chứa		
	Diện tích lưu vực	km ²	236
	Mực nước dâng bình thường (MNDBT)	m	+33.00
	Mực nước lũ thiết kế $P = 0,5\%$	m	+37.70
	Mực nước chết	m	+18.00
	Dung tích ứng với MNDBT	10 ⁶ m ³	200
	Dung tích chết	10 ⁶ m ³	13
2	Đập đất		
	Chiều dài đỉnh đập	m	470
	Cao trình đỉnh đập	m	+39.40
	Chiều rộng mặt đập	m	5,25

TT	Thông số	Đơn vị	Trị số
3	Cống lấy nước dưới đập		
	Lưu lượng thiết kế Q_{tk}	m^3/s	14
	Đường kính ống cống Φ	mm	2.450

6. Nội dung đầu tư và giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

6.1. Nội dung đầu tư: Bóc bỏ đất đập tại phạm vi bị nứt, xử lý đắp lại, hoàn thiện mặt đập, gia cố lại đồng đá tiêu nước, xử lý hiện tượng thấm rò nước trong cống lấy nước, thay cánh cửa cống như thiết kế cũ, sơn bảo dưỡng cống lấy nước.

6.2. Giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

6.2.1. Đập đất: Xử lý nứt mặt đỉnh đập trong phạm vi xuất hiện vết nứt, hoàn thiện mặt đập; gia cố lại đồng đá tiêu nước; cụ thể:

a) Xử lý nứt mặt đỉnh đập:

- Phạm vi xử lý nứt: Đoạn từ K0+96,6 đến K0+296,6 chiều dài 200 m.

+ Đào bóc phong hóa mái hạ lưu, bóc bỏ một phần bê tông gia cố mặt đập cũ phía hạ lưu; đào phần đất đắp thân đập cũ từ đỉnh đập xuống đến cao trình (+35.90) m, tận dụng để đắp lại theo mặt cắt thiết kế (hệ số mái đắp phía hạ lưu trung bình $m = 2,5$ theo hiện trạng), đất đắp đầm nén đảm bảo dung trọng thiết kế $\gamma_{tk} \geq 1,62 T/m^3$.

+ Làm lại rãnh thoát nước xiên mái hạ lưu theo kích thước rãnh cũ, kết cấu bằng bê tông thường M200; trồng cỏ bảo vệ mái trong các khung ô tạo bởi các rãnh thoát nước.

+ Gia cố lại mặt đập: Phần gia cố mặt đập cũ phía thượng lưu được giữ nguyên, đánh xòm, vệ sinh bề mặt; phía hạ lưu được đổ bù bằng bê tông thường M100 dày 15 cm đảm bảo chiều rộng nền (gồm phần cũ và phần xử lý) 5,25 m. Gia cố mặt đập bằng bê tông cốt thép (BTCT) M250 dày 20 cm, mép biên thượng lưu là tường chắn sóng cũ, mép biên hạ lưu kết hợp gờ chắn (có bố trí lỗ thoát nước), độ dốc ngang mặt đập về hạ lưu $i = 2 \%$; dọc chiều dài tuyến đập bố trí các khe co, giãn vuông góc tim tuyến (cứ 10 m/1 khe co, 30 m/1 khe giãn).

- Phạm vi từ K0+14,2 (đầu đập phía hữu) đến K0+96,6 và từ K0+296,6 đến K0+434,2 (đầu đập phía tả) với tổng chiều dài 220 m: Giữ nguyên mặt đập cũ bằng bê tông, chỉ đánh xòm, vệ sinh bề mặt, bổ sung gia cố mặt bằng bê tông thường M250 dày 20 cm để tương đồng về hình thức, cao độ mặt đập với đoạn xử lý nứt; dọc chiều dài tuyến đập bố trí các khe co, giãn vuông góc tim tuyến (cứ 5 m/1 khe co, 30 m/1 khe giãn).

- Tháo dỡ hàng cột đèn cũ trên mép hạ lưu mặt đập; di chuyển và lắp đặt về sát mép trong tường chắn sóng phía thượng lưu; thay mới cần đèn, bóng đèn và hệ thống dây cáp điện theo thiết kế cũ.

b) Xử lý sụt lún đồng đá tiêu nước hạ lưu đập: Phạm vi xử lý khoảng từ

K0+116 đến K0+240, chiều dài 124 m. Đào vét bùn phần chân đống đá cũ về phía hạ lưu, đắp thay thế bằng đá dăm (4x6) cm dày 40 cm lu lèn chặt, gia cố chân bằng các hàng rọ đá xếp chồng (hệ số mái ngoài quy đổi $m = 1$), kích thước rọ (2x1x0,5) m, cao trình đỉnh rọ tại (+13.00) m. Mở rộng mặt đống đá cũ tại cao trình (+16.50) m về hạ lưu trung bình 5 m bằng đá hộc, hệ số mái ngoài $m = 2$ (phạm vi từ (+16.50) m xuống đến (+13.00) m); mặt lộ thiên bằng đá hộc xếp khan chèn chặt dày 30 cm.

c) Đường phục vụ thi công: Trên cơ sở tuyến đường cũ phía hạ lưu đập được san, đắp khôi phục làm đường thi công. Chiều dài tuyến $L = 432,8$ m, chiều rộng nền $B_n = 3,5$ m, mặt gia cố $B_{gc} = 3$ m bằng cấp phối đá dăm loại 2 lu lèn chặt dày 20 cm. Công trình trên đường gồm 1 cống dẫn dòng tại K0+91,8 (tiêu nước từ hạ lưu nhà máy thủy điện hồ Sông Mực về hồ Đồng Lớn); thân cống bằng 5 hàng ống BTCT đúc sẵn D1.500 mm; móng cống, gia cố 2 vai và đỉnh cống bằng rọ đá kích thước (2x1x1) m; lấp chèn giữa 2 ống cống liên kề bằng đá dăm (1x2) cm; đỉnh cống bằng đất đắp.

6.2.2. Xử lý thấm dột thân cống lấy nước dưới đập:

a) Xử lý thấm thân cống:

- Cắt bỏ, tháo dỡ đoạn ống thép cũ bị vỡ nhàu, cong vênh trong phạm vi đoạn chuyển tiếp dài 3,88 m từ khẩu diện vuông (2.562x2.562) mm sang khẩu diện tròn D2.450 mm. Làm lại mới đoạn chuyển tiếp bằng thép tấm CT3 dày 12mm liên kết hàn; gia cường miệng cống phạm vi tiếp xúc cửa thượng lưu bằng khung thép đặc CT3 liên kết hàn với vỏ ống thép, thiết diện thanh thép 2x(80x80) mm; khoan neo gia cố vỏ ống thép với tường bê tông cũ bằng thép tròn CT3 D20 mm, bố trí hình hoa mai, khoảng cách giữa các thanh neo $d = 40$ cm; bơm phụt vữa xi măng vào khoảng trống giữa vỏ ống thép và tường bê tông cống cũ.

- Bổ sung 1 lỗ thăm D630 mm (có van xả khí tự động) tại vị trí nhà kiểm tra cũ phía hạ lưu cống.

- Đánh rỉ, vệ sinh, sơn bảo dưỡng toàn bộ mặt ngoài ống thép cống.

b) Tháo dỡ cửa van sửa chữa và cửa van vận hành phía thượng lưu (hiện đã hư hỏng, cong vênh, không đảm bảo kín nước); thay mới bằng cửa van phẳng theo thiết kế cũ; bổ sung cụm vận hành bằng tời để đóng mở cửa van sửa chữa.

7. Loại, cấp công trình: Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, cấp I.

8. Địa điểm xây dựng: Huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

9. Diện tích sử dụng đất: Các hạng mục của công trình sửa chữa, nâng cấp trên hiện trạng công trình cũ.

10. Tổng mức đầu tư:

12.000,0 triệu đồng;

Trong đó:

Chi phí xây dựng:

10.049,2 triệu đồng;

Chi phí thiết bị:	38,5 triệu đồng;
Chi phí quản lý dự án:	228,0 triệu đồng;
Chi phí tư vấn ĐTXD:	1.195,7 triệu đồng;
Chi phí khác:	152,9 triệu đồng;
Chi phí dự phòng:	335,7 triệu đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

11. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 8 tỷ đồng (Tám tỷ đồng), từ nguồn dự phòng ngân sách tỉnh năm 2020. Phần kinh phí còn lại để đảm bảo hoàn thành đồng bộ công trình theo đúng thiết kế kỹ thuật được cấp thẩm quyền phê duyệt do Công ty TNHH một thành viên Sông Chu tự đảm bảo từ các nguồn hợp pháp theo quy định.

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức quản lý thực hiện dự án.

13. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; Luật Đấu thầu năm 2013 và các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Trong quá trình triển khai các bước tiếp theo, yêu cầu Công ty TNHH một thành viên Sông Chu có trách nhiệm tiếp thu, thực hiện đầy đủ các ý kiến của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại kết quả thẩm định số 966/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 15/3/2021.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Sông Chu; Chủ tịch UBND huyện Như Thanh và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Lê Đức Giang;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Công trình xử lý khẩn cấp khắc phục sự cố, sửa chữa hư hỏng đảm bảo an toàn hồ đập đối với hồ Sông Mực, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)
Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Tổng mức đầu tư
I	Chi phí xây dựng (Gxd)	Chi tiết	10.049,2
II	Chi phí thiết bị - Cụm tài vận hành 6T (Gtb)	Báo giá	38,5
III	Chi phí quản lý dự án	$3,108\% \times \text{Gxd} \times 0,8/1,1$	228,0
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng		1.195,7
4.1	Chi phí khảo sát	QĐ số 658/QĐ-UBND ngày 25/02/2021	345,451
4.2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát		10,364
4.3	Chi phí giám sát khảo sát		14,067
4.4	Chi phí lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật		382,159
4.5	Chi phí công tác kiểm tra, đánh giá công lấy nước qua đập		127,726
4.6	Chi phí lập kế hoạch bảo vệ môi trường		54,591
4.7	Chi phí giám sát thi công xây dựng	$2,598\% \times \text{Gxd}$	261,078
4.8	Chi phí giám sát thiết bị	$0,718\% \times \text{Gtb}$	0,276
V	Chi phí khác		152,9
5.1	Chi phí bảo hiểm công trình (TT329/2016/TT-BTC)	$0,84\% \times (\text{Gxd} + \text{Gtb})$	84,737
5.2	Chi phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	$0,019\% \times \text{TMĐT} \times 0,5$	1,1400
5.3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	$0,3856\% \times \text{TMĐTTLT}$	44,976
5.4	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan quản lý nhà nước	Tạm tính	10,000
5.5	Chi phí thẩm định giá	Tạm tính	12,000
VI	Chi phí dự phòng		335,7
6.1	Chi phí dự phòng		335,707
	Tổng cộng		12.000,0